

Bản án số: 75/2025/HS-ST
Ngày 06-5-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Tân Thịnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Ngôn và ông Nguyễn Quang Kim.

- Thư ký phiên toà: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Việt H, sinh năm 1986; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: tổ dân phố C, phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn V; Con bà: Trần Thị N; bị cáo có vợ: Vi Thị H1, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: không; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 22/11/2024 đến ngày 30/11/2024, hiện tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Vi Văn H2, sinh năm 1996; địa chỉ: xóm L, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; (vắng mặt)

+ Anh Vừ Mí D, sinh năm 2002, Địa chỉ: thôn H, xã G, huyện M, tỉnh Hà Giang; (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 2000, địa chỉ: thôn H, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên; (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH C;

Địa chỉ: Lô M, lô F và Lô T thuộc Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Do ông Thân Văn L – Tổ trưởng tổ an toàn Công ty TNHH C đại diện theo uỷ quyền (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Việt H làm công nhân tại Công ty TNHH C (gọi tắt là Công ty C) thuộc Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang kể từ ngày 19/10/2021. Tháng 10/2022, H được Công ty C giao nhiệm vụ làm Tổ trưởng Tổ sản xuất thuộc bộ phận BTS/SI, xưởng F02 với công việc được phân công: Quản lý, giám sát, phân công công việc trong ca cho chuyên trưởng, chuyên phó và công nhân tại bộ phận BTS/SI, xưởng F02. Đến tháng 11 hàng năm, H có nhiệm vụ đánh giá kết quả làm việc của chuyên trưởng, chuyên phó và công nhân làm việc bộ phận BTS/SI. Căn cứ kết quả đánh giá kết quả của H nhận xét, Công ty C sẽ xem xét có mức tăng, giảm lương, tiền thưởng cuối năm cho công nhân. Ngoài ra, trong trường hợp cần điều chuyển công nhân giữa các xưởng thì Công ty C sẽ thông báo cho H để H lập danh sách, còn việc điều chuyển công nhân do Công ty C xem xét quyết định.

Tháng 10/2024, bộ phận BTS/SI, xưởng F02 có 140 công nhân làm việc, Ban quản lý Công ty C thông báo cho H lập danh sách 30 công nhân của bộ phận mình quản lý để Công ty C điều chuyển sang xưởng khác làm việc. Sau đó, H đã lập 02 danh sách tổng số 30 người chuyển cho Công ty C và đã điều chuyển những người này sang xưởng khác. Bản thân H không có quyền quyết định việc điều chuyển người giữa các xưởng. Tuy nhiên, H đã lạm dụng quyền lập danh sách trước đây để gặp riêng anh Vừ Mí D, anh Vi Văn H2 và anh Nguyễn Văn T (là công nhân làm việc được hưởng mức lương cao tại bộ phận BTS/SI, xưởng F02) để nói chuyện và yêu cầu những người này mỗi tháng phải đưa cho H số tiền từ 1.500.000 đồng thì H sẽ nhận xét tốt, nếu không thì H sẽ nhận xét, đánh giá chất lượng công việc thấp và điều chuyển vị trí làm việc sang bộ phận, xưởng khác có mức lương thấp hơn, cụ thể:

Buổi tối ngày 15/10/2024, H gọi anh Vi Văn H2 vào văn phòng của xưởng F02. Tại đây, H bảo anh H2 hàng tháng phải đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng thì H sẽ đánh giá xếp loại A⁺ (loại cao nhất) cho kết quả làm việc năm và giữ nguyên vị trí làm việc cho anh H2 (anh H2 đang làm công nhân Tuning chỉnh tần sóng của bản mạch là vị trí làm việc có mức thu nhập cao nhất trong xưởng), nếu không thì H sẽ điều chuyển anh H2 sang bộ phận, xưởng khác có mức lương thấp hơn, thì anh Hợp đồng Ý. Đến tối ngày 12/11/2024, do không thấy anh H2 đưa tiền nên H

tiếp tục gọi anh H2 vào văn phòng của xưởng F02 và nói nếu anh H2 không đưa tiền thì sẽ điều chuyển anh H2 sang bộ phận, xưởng khác, anh H2 có hẹn hôm sau sẽ đưa tiền cho H. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 13/11/2024, tại văn phòng máy tính của xưởng F02 anh H2 đã đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 08/11/2024, H gọi anh Vừ Mí D vào văn phòng máy tính của xưởng F02. Tại đây, H bảo anh D hàng tháng đưa tiền cho H thì H sẽ đánh giá kết quả làm việc năm loại A⁺ và giữ nguyên vị trí làm việc cho anh D (anh D đang làm công nhân Tuning chỉnh tần sóng của bản mạch là vị trí làm việc có mức thu nhập cao nhất trong xưởng), nếu anh D không đưa tiền thì H sẽ đánh giá kém và chuyển anh D đến bộ phận, xưởng làm việc khác, anh D đồng ý và hẹn khi nhận được lương sẽ đưa tiền cho H. Đến tối ngày 13/11/2024, H tiếp tục gọi anh D vào văn phòng và hỏi anh D có đưa tiền không, tại đây, H và anh D thỏa thuận mỗi tháng anh D sẽ đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng. Đến ca làm việc tối ngày 15/11/2024, anh D nhắn tin qua ứng dụng Zalo cho H nội dung bảo H nhắn số tài khoản ngân hàng để anh D chuyển tiền thì H bảo anh D là H chỉ nhận tiền mặt, không nhận chuyển khoản nhưng anh D nói là không có tiền mặt, chỉ có 1.500.000 đồng trong tài khoản. Sau đó, H đến chỗ làm việc của anh Hứa Hoàng T1, sinh năm 1999, trú tại xóm L, xã L, huyện H, tỉnh Cao Bằng (anh T1 cũng làm công nhân tại xưởng F02) và bảo anh T1 cho H mượn số tài khoản ngân hàng để anh D chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng (H không nói cho anh T1 biết là tiền gì) và nhờ anh T1 rút tiền mặt đưa lại cho H thì anh T1 đồng ý; anh T1 chụp ảnh mã QR số tài khoản 0351001205213 của anh T1 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N1 (gọi tắt là Ngân hàng V1) và gửi cho H qua ứng dụng zalo. Khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày 15/11/2024, tại xưởng F02 anh D dùng điện thoại quét mã QR tài khoản ngân hàng của anh T1 trên điện thoại của H và chuyển khoản số tiền 1.500.000 đồng từ tài khoản số 1510795569 của anh D mở tại Ngân hàng V1 đến tài khoản 0351001205213 của anh T1. Sau đó, anh T1 đã rút tiền mặt số tiền 1.500.000 đồng và đưa cho H.

Khoảng tháng 10/2024, H gặp anh Nguyễn Văn T tại xưởng F02 và bảo anh T hàng tháng phải đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng (tương đương với 10% lương) thì H sẽ đánh giá loại A (do anh T mới vào làm trong năm, không được đánh giá loại A⁺) cho kết quả làm việc năm và giữ nguyên vị trí làm việc cho anh T, nếu anh T không đưa thì H sẽ đánh giá kém, chuyển bộ phận, xưởng làm việc khác. Anh T đồng ý, hẹn khi nào nhận được lương sẽ đưa tiền cho H. Ngày 17/11/2024, anh T mời H đi ăn sáng tại tổ dân phố N, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang, H tiếp tục hỏi anh T về việc đưa tiền cho H thì anh T đã đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng.

Ngày 16/11/2024, ngày 20/11/2024 và ngày 21/11/2024, anh Vừ Mí D, Nguyễn Văn T, Vi Văn H2 đến Đoàn Công an Q phản ánh về việc Nguyễn Việt H chiếm đoạt của mỗi người số tiền 1.500.000 đồng. Cùng ngày 21/11/2024, Đoàn

Công an Q đã chuyển hồ sơ, tài liệu đến Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an thị xã V để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 22/11/2024, nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên Nguyễn Việt H đã đến Cơ quan điều tra đầu thú, khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G, màu trắng, số I: 864311072972504/00.

Ngày 27/11/2024 và ngày 28/11/2024, anh Hứa Hoàng T1 và anh Vừ Mí D giao nộp bản sao kê tài khoản Ngân hàng V1 số 0351001205213 của anh T1 và số 1510795569 của Vừ Mí D. Kết quả ngày 15/11/2024, số tài khoản 0351001205213 của anh T1 có nhận số tiền 1.500.000 đồng từ số tài khoản 1510795569 của anh D, nội dung “VU MI DE chuyen tien CHUYEN KHOAN CHO ANH HUNG”.

Đối với anh Hứa Hoàng T1 khi được H nhờ nhận 1.500.000 đồng tiền chuyển khoản của Vừ Mí D thì anh T1 không biết việc H chiếm đoạt số tiền trên của anh D nên anh T1 không vi phạm pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G thu giữ của H là phương tiện H sử dụng để nhắn tin cho anh T1 và anh D để anh D chuyển tiền nên Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo H đã tự nguyện nộp lại số tiền 4.500.000 đồng chiếm đoạt vào Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để khắc phục hậu quả trả lại cho các bị hại.

Với nội dung trên, tại bản Cáo trạng số: 63/CT-VKS ngày 18 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên đã truy tố bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Việt H khẳng định bị truy tố về tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản như nội dung của bản Cáo trạng là đúng, không oan. Về số tiền bị cáo chiếm đoạt của 03 bị hại, bị cáo đã nộp tại chi cục thi hành án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho các bị hại. Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G bị cáo giao nộp đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra cho xã hội cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1, khoản 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt H từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Do bị cáo đang sống chung cùng bố mẹ, không có tài sản riêng, không có nghề nghiệp ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, nhưng cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý trong khối doanh nghiệp từ 01 năm đến 02 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự,

Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G của bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo thấy rõ được trách nhiệm của mình nên đã giao nộp 4.500.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để khắc phục hậu quả, do vậy cần trả cho anh Vũ Mí D, Nguyễn Văn T, Vi Văn H2 mỗi người 1.500.000 đồng.

Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghe bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không tranh luận gì và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra thị xã V (nay là Cơ quan điều tra công an tỉnh B), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đảm bảo theo trình tự tố tụng hình sự.

[2] Nguyễn Việt H làm công nhân và được giao nhiệm vụ làm Tổ trưởng tổ sản xuất thuộc bộ phận BTS/SI, xưởng F02 của Công ty TNHH C thuộc Khu công nghiệp Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang được giao nhiệm vụ: Quản lý, giám sát, phân công công việc trong ca cho chuyên trưởng, chuyên phó và công nhân; đánh giá kết quả làm việc của chuyên trưởng, chuyên phó và công nhân làm việc bộ phận; lập danh sách công nhân làm việc kết quả chất lượng thấp cho Công ty để công ty xem xét để điều chuyển công nhân đến vị trí làm việc khác có mức lương thấp hơn. Bản

thân H không có thẩm quyền quyết định việc điều chuyển công nhân giữa các xưởng. Quá trình thực hiện nhiệm vụ Nguyễn Việt H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn của mình đã đến gặp anh Vừ Mí D, anh Nguyễn Văn T và anh Vi Văn H2 đang làm tại bộ phận BTS/SI, xưởng F02 của Công ty C và yêu cầu hàng tháng mỗi người phải đưa cho H số tiền 1.500.000 đồng thì H sẽ nhận xét, đánh giá chất lượng công việc tốt để tạo điều kiện việc làm ổn định, mức lương cao nếu không đưa tiền thì H sẽ nhận xét, đánh giá chất lượng công việc thấp và điều chuyển vị trí làm việc sang bộ phận, xưởng khác có mức lương thấp hơn. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/11/2024 đến ngày 17/11/2024, H đã lạm dụng chức vụ, quyền hạn được giao chiếm đoạt tổng số tiền 4.500.000 đồng (bao gồm: chiếm đoạt 1.500.000 đồng của anh Vi Văn H2, anh Vừ Mí D 1.500.000 đồng và của Nguyễn Văn T 1.500.000 đồng).

[3] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với: thời gian, không gian, địa điểm xảy ra tội phạm, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Việt H phạm tội: “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự. Nhận thức được việc cố ý làm trái các quy định của nhà nước trong phạm vi, quyền hạn được giao là vi phạm pháp luật nhưng vì tư lợi cá nhân, không làm chủ được bản thân nên đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân của bị cáo thì thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải, nhận thức được hành vi phạm tội đã ra đầu thú và đã bồi thường khắc phục toàn bộ hậu quả, do vậy cần cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét lượng hình đối với bị cáo.

Do bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có địa chỉ cư trú rõ ràng, nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đã tự nguyện nộp tiền bồi thường trả lại cho các bị hại và có thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và đã ra đầu thú. Do vậy xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi

xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho UBND nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ để cải tạo bị cáo trở thành người tốt cho xã hội. Việc cho bị cáo hưởng án treo cũng không gây nguy hại cho xã hội, không ảnh hưởng đến việc đấu tranh phòng chống tội phạm mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước đối với người biết ăn năn hối cải và phù hợp với quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao sửa đổi bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018 ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao.

[5] Hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Việt H không có tài sản chung, riêng, đang sống chung cùng gia đình, nay không có công việc ổn định, do vậy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Tuy nhiên cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong khối doanh nghiệp khoảng 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật mới đảm bảo tính phòng ngừa chung trong xã hội.

[6] Xử lý vật chứng:

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G, màu trắng, số Imei1: 864311072972504/00 thu giữ của bị cáo, bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội, do vậy cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo thấy rõ được trách nhiệm của mình nên đã tự giao nộp số tiền 4.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên để trả cho những người bị hại. Do vậy cần trả cho các bị hại số tiền mà bị cáo đã giao nộp. Các bị hại anh Vũ Mí D, anh Nguyễn Văn T và anh Vi Văn H2 mỗi người được nhận 1.500.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã V). Ngoài ra các bị hại không còn yêu cầu đề nghị nào khác.

[8] Án phí: Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Liên quan trong vụ án này đối với anh Hứa Hoàng T1 khi được H nhờ nhận 1.500.000 đồng tiền chuyển khoản của anh Vũ Mí D thì anh T1 không biết việc H chiếm đoạt số tiền trên của anh D nên anh T1 không vi phạm pháp luật. Do vậy không cần thiết đưa anh Hứa Hoàng T1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền nghĩa vụ liên quan trong vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Quyền kháng cáo: Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: khoản 1, khoản 5 Điều 355; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65, điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106, Điều 135, 136, 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Việt H 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ trong khối doanh nghiệp trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo cho UBND phường T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung quỹ nhà nước chiếc di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro 5G, màu trắng, số Imei1: 864311072972504/00 của bị cáo.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 05/5/2025 giữa Công an thị xã V (nay là công an tỉnh B) và Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên).

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Việt H phải có nghĩa vụ trả cho anh Vừ Mí D số tiền 1.500.000 đồng, anh Nguyễn Văn T số tiền 1.500.000 đồng và anh Vi Văn Hợp S1 tiền 1.500.000 đồng. Xác nhận bị cáo Nguyễn Việt H đã nộp 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng chẵn*) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Việt Yên theo biên lai thu tiền số: 0000839 ngày 19 tháng 02 năm 2025.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7^a, 7^b và 9 Luật thi

hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Việt H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận: THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ
Công an tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Cơ quan cảnh sát điều tra
Công an tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ.

Vũ Tân Thịnh